

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh PHÚC**

Bản án số: 35/2018/HS-ST
Ngày 22 tháng 3 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Nữ Hương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Tước và bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Linh- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc , xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2018/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 3 năm 2018, đối với bị cáo:

Tô Đình P (còn có tên gọi khác là Tô Đình Đ) sinh ngày 11/11/1979; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm G, phường T, thành phố V , tỉnh Vĩnh Phúc ; nơi cư trú: Khu hành chính XX, phường L, thành phố V , tỉnh Vĩnh Phúc ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 8/12; Nghề nghiệp: Không; con ông: Tô Đình Đ và bà Đỗ Thị C; vợ, con: Chưa có; Tiền án: có 02 tiền án: Tại bản án số 51/HSST ngày 22/12/1998 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Yên (nay là thành phố Vĩnh Yên) xử phạt P 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”. Tại bản án số 11/HSST ngày 27/01/1999 của Tòa án nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Tô Đình P 05 năm tù về tội cướp tài sản của công dân, tổng hợp với 09 tháng tù của bản án trước buộc P phải chấp hành cả hai bản án là 05 năm 09 tháng tù. Ra trại ngày 23/4/2004. Tại bản án số 13/HSST ngày 17/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt P 02 năm tù về tội “trộm cắp tài sản”. Trị giá tài sản trộm cắp là 2.240.000 đồng. Ra trại ngày 25/01/2017 (phạm tội ngày 25/01/2015, bản án này xác định bản án số 11/HSST ngày 27/01/1999 về tội Cướp tài sản là tiền án, chưa được xóa án tích do chưa hết thời hạn 05 năm); Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 13/HSST ngày 04/9/2007 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh

Phúc xử phạt P 30 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, ra trại ngày 10/02/2010 (phạm tội ngày 04/8/2007, bản án này xác định bản án số 11/HSST ngày 27/01/1999 về tội Cướp tài sản để tính tái phạm). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/11/2017 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị hại:

Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Vĩnh Yên (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Tiến T , sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn M, phường K Quang, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người chứng kiến: Anh Nguyễn Đăng D - sinh năm 1976; địa chỉ: Khu hành chính X, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên Tô Đình P nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/9/2017, P điện thoại cho chị Nguyễn Thị H nói dối là có chiếc điện thoại Sam Sung S7, còn mới đang cầm cố ở hiệu cầm đồ với giá 1.600.000đ, sắp hết thời hạn nhưng P không có tiền chuộc và bảo chị H chuộc điện thoại đó về mà dùng (Thực tế P không có chiếc điện thoại Samsung nào, không cầm cố cho ai). P nói như vậy mục đích để chiếm đoạt tài sản của chị Hà. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, P đến quán nước của chị H ở cổng siêu thị điện máy HC thuộc phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên để tiếp tục thuyết phục chị H đi chuộc điện thoại, chị H đồng ý. Lúc này, chị H chỉ có 600.000đ nên sang quán nước bên cạnh vay của chị Đặng Thị L số tiền 1.000.000đ. Tiếp đến, chị H nhờ anh Nguyễn Khắc H đang làm nhân viên bảo vệ Ngân hàng Quốc tế (VIB), chi nhánh có trụ sở cạnh siêu thị điện máy HC trông hộ chị quán nước để cùng P đi chuộc điện thoại. Sau đó, chị H giao xe máy, nhãn hiệu Honda, loại SCR, màu trắng, biển kiểm soát 88B1- 223.XX bên trong cốp xe có để giấy đăng ký của xe, 01 thẻ ATM, 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị H để P điều khiển xe đưa chị H đi chuộc điện thoại. P điều khiển xe đưa chị H đi lòng vòng rồi đến đầu ngõ 4, đường Trần Quốc Tuấn, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên thì P dừng xe và bảo chị H đưa tiền và đợi ở ngoài ngõ để P vào bên trong ngõ chuộc điện thoại. Chị H muốn đi cùng nhưng P nói dối trong ngõ 4 này có nhiều đối tượng bán ma túy nếu có người lạ vào, hiệu cầm đồ sẽ không cho chuộc điện thoại, chị H tin tưởng P và nghĩ ngõ 4 là ngõ cụt, P vào chuộc điện thoại sẽ ra ngay nên chị H chờ rồi đưa số tiền

1.600.000đ và xe máy cho P để P vào cuộc điện thoại. P cầm tiền và đi xe máy vào trong ngõ 4, đường Trần Quốc Tuấn rồi đi thông sang phố Chiền, phường Ngô Quyền bỏ chạy thoát. Chị H chờ khoảng 15 phút không thấy P quay ra chỗ chị đứng đợi, chị H liền đi vào trong ngõ 4 tìm P nhưng không thấy P, không thấy có cửa hiệu cầm đồ nào. Chị H gọi điện cho P nhiều lần để đòi tiền và xe máy nhưng P không nghe máy. Sau đó chị H đến Công an phường Ngô Quyền trình báo sự việc.

Sau khi chiếm đoạt tài sản của chị Hà, P điều khiển xe máy đi chơi, tiêu xài cá nhân hết số tiền 1.600.000đ. Đến khoảng 23 giờ ngày 19/9/2017, P điều khiển xe đến cửa hiệu cầm đồ của anh Nguyễn Tiến T ở thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên để bán xe. Khi đến, P nói dối là xe máy của vợ P không có nhu cầu sử dụng nên muốn bán, anh T đồng ý mua với giá 6.000.000đ, đồng thời yêu cầu P viết giấy bán xe (thời điểm viết giấy bán xe đã sang ngày 20/9/2017 nên P viết giấy bán xe ngày 20/9/2017), ký ghi rõ họ tên, điểm chỉ dấu vân tay vào giấy bán xe. P giao cho anh T xe máy và đăng ký của xe mang tên Nguyễn Thị H, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Tô Đình P. Anh T trả cho P số tiền 6.000.000đ. P tiêu xài cá nhân còn 3.900.000đ thì bị Cơ quan công an thu giữ được. Ngoài ra còn thu giữ trên người P 01 thẻ căn cước công dân, 01 thẻ ATM và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị H.

Ngày 20/9/2017, anh Nguyễn Tiến T giao nộp 01 xe máy biển kiểm soát 88B1- 223.XX và đăng ký của xe mang tên Nguyễn Thị H, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Tô Đình P và 01 giấy bán xe.

Tại kết luận định giá tài sản số 166/KL - HDDG ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Vĩnh Yên kết luận trị giá chiếc xe máy biển kiểm soát 88B1- 223.XX là 12.500.000đ.

Tại kết luận giám định số 1338/KLGD ngày 11/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Tô Đình P trên giấy bán xe đề ngày 20/9/2017 so với chữ ký, chữ viết của P trên các tài liệu mẫu so sánh đều do một người viết và ký ra.

Ngày 04/01/2018, Cơ quan điều tra tiến hành thu thập mẫu đường vân ngón tay của Tô Đình P và quyết định trưng cầu giám định dấu vân tay của Tô Đình P viết trong giấy bán xe. Tại kết luận giám định số 16/KLGD ngày 08/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Hai dấu vân tay nằm bên trái, bên phải, dưới mục “người bán xe (ký, ghi rõ họ tên)” trên Giấy bán xe mang tên Tô Đình P, so với dấu vân tay tương ứng in ở ô “Ngón trỏ phải” “Ngón trỏ trái” trên 02 bản thu thập mẫu vân tay gửi so sánh là dấu vân tay của cùng một người in ra.

Tại Cáo trạng số:27/KSĐT-TA ngày 31/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Tô Đình P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo bị cáo Tô Đình P khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại là chị Nguyễn Thị H khai nhận tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa như sau: Chị H có mối quan hệ là bạn bè với Tô Đình P . Khoảng 19 giờ ngày 18/9/2017, chị H bán hàng nước tại trước cửa siêu thị điện máy HC thuộc phường Liên Bảo, Vĩnh Yên thì P gọi điện nói đang cầm chiếc điện thoại di động Samsung S7 với giá 1.600.000đ nhưng không có tiền nhỏ và bảo chị H lấy về mà dùng. Do tin tưởng nên chị H đưa cho P 1.600.000đ và xe máy của mình nhãn hiệu Honda SCR biển kiểm soát 88B1- 223.XX cho P điều khiển đi chuộc điện thoại nhưng sau đó P không trả tiền và xe máy cho chị H và không liên lạc được với P . Chị H đã nhận lại xe và yêu cầu P bồi thường số tiền 1.600.000đ (từ bút lục 33 đến bút lục 38)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tiến T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 19/9/2017 có mua của Tô Đình P 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SCR biển kiểm soát 88B1- 223.XX với giá 6.000.000đ. Hai bên có viết giấy bán xe và P ký, điểm chỉ vào giấy bán xe. P để lại đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H và thẻ căn cước công dân của P . Sau đó anh T đã giao nộp xe cho cơ quan điều tra, yêu cầu P phải trả lại số tiền 6.000.000đ đã mua xe (từ bút lục 45 đến bút lục 48).

Người chứng kiến là anh Nguyễn Đăng D khai nhận tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa như sau: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 20/9/2017, anh D được Công an phường Ngô Quyền, Vĩnh Yên yêu cầu chứng kiến sự việc Công an phường Ngô Quyền tiến hành lấy lời khai của một người tự khai là Tô Đình P và P tự khai nhận có hành vi chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H số tiền 1.600.000đ và chiếc xe máy SCR biển kiểm soát 88B1- 223.46. Ngoài ra còn chứng kiến việc tạm giữ đồ vật, tài liệu do Tô Đình P giao nộp cho Công an phường Ngô Quyền (bút lục 105 đến bút lục 106).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Tô Đình P từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ;

Trả lại cho Tô Đình P 01 thẻ căn cước công dân.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.600.000đ và anh Nguyễn Tiến T số tiền 2.300.000đ trong số tiền 3.900.000đ tạm giữ của Tô Đình P .

Buộc Tô Đình P phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T số tiền 3.700.000đ.

Bị cáo Tô Đình P không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai ban đầu của bị cáo tại cơ quan điều tra thừa nhận về hành vi phạm tội của mình nhưng sau đó bị cáo lại không thừa nhận nhưng tại phiên tòa bị cáo thừa nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở để kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài nên Tô Đình P nảy sinh ý định nói dối chị Nguyễn Thị H là có điện thoại cầm cố để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị H lấy tiền tiêu xài. Khoảng 19 giờ ngày 18/9/2017 P điều khiển xe máy biển kiểm soát 88B1- 223.XX của chị H chở chị H đến đầu ngõ 4 đường Trần Quốc Tuấn, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc . Tại đây P nói dối chị H là đứng chờ để P vào bên trong ngõ chuộc điện thoại. Chị H tin tưởng giao cho P số tiền 1.600.000đ và xe máy để P đi chuộc điện thoại. Sau đó P cầm tiền tiền và xe máy của chị H bỏ chạy không trả lại những tài sản đó cho chị Hà. Đến 0 giờ 15 phút ngày 20/9/2017 P bán chiếc xe máy trên cho anh Nguyễn Tiến T được 6.000.000đ. Số tiền chiếm đoạt và bán xe là 7.600.000đ P tiêu xài còn lại 3.900.000đ thì bị cơ quan điều tra thu giữ. Tổng giá trị tài sản Tô Đình P chiếm đoạt là 14.100.000đ.

Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Tô Đình P có 02 tiền án, đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do lỗi cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Nội dung điều luật quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai

năm đến bảy năm:

c) Tái phạm nguy hiểm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, có mức cao nhất của khung hình phạt đến bảy năm tù nên theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Bị cáo là người có nhân thân xấu đã bốn lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Trong bốn lần bị kết án nêu trên có hai lần chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý và lần kết án sau thuộc trường hợp đã tái phạm nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Mặc dù đây chỉ là tình tiết để định khung hình phạt nên không áp dụng theo tình tiết tăng nặng nhưng cũng chứng tỏ bị cáo là đối tượng rất coi thường pháp luật không biết ăn năn hối cải để hoàn lương. Do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo bị cáo để bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đó đều hợp pháp.

[4] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tiến T là người mua xe máy của P với giá 6.000.000đ. Quá trình điều tra xác định, P bán xe cho anh T không phải là xe chính chủ nhưng P nói là xe của vợ P và đưa đăng ký gốc của xe mang tên Nguyễn Thị H nên anh T tin tưởng mua xe

của P , không biết là tài sản do P phạm tội mà có, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

[5] Về vật chứng: Đối với một thẻ căn cước công dân thu giữ của Tô Đình P không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia mà P liên lạc để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Hà, quá trình điều tra P khai đã làm mất nên không thu giữ được.

Đối với xe máy biển kiểm soát 88B1- 223.XX và đăng ký của xe, 01 thẻ căn cước công dân, 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị H là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị H , cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 1.600.000đ P chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H và số tiền 6.000.000đ do bán xe cho anh T mà có. Chị H và anh T đề nghị P phải trả lại số tiền này. Quá trình điều tra thu giữ của P số tiền 3.900.000đ do phạm tội mà có nên cần trả lại cho chị H 1.600.000 đồng và trả lại cho anh Nguyễn Tiến T số tiền 2.300.000đ. Do đó cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh T số tiền 3.700.000đ.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Bị cáo Tô Đình P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Tô Đình P 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/11/2017.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Trả lại cho bị cáo Tô Đình P một thẻ căn cước công dân.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 585, Điều 586 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Trả lại chị Nguyễn Thị H số tiền 1.600.000đ và trả anh Nguyễn Tiến T số tiền 2.300.000đ trong số tiền 3.900.000đ tạm giữ của Tô Đình P .

Buộc bị cáo Tô Đình P phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T số tiền 3.700.000đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Tiến T có đơn đề nghị Thi hành án, nếu bị cáo P không bồi thường số tiền nêu trên thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Tô Đình P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 185.000đ (Một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết Bản án./.

Nơi nhân:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc ;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc ;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam- CA Vĩnh Phúc ;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền